

Số: /SNNMT-CNTY

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2025

Về việc rà soát, thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm; đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất từ nguồn hỗ trợ của tỉnh 6 tháng cuối năm 2025 và đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2026.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2025 và nhằm chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; để triển khai thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin theo kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 và các văn bản đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, phù hợp với biến động của đàn gia súc, gia cầm tại địa phương và đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất để có cơ sở xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu khẩn trương chỉ đạo các phòng ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc triển khai thực hiện các nội dung sau:

**I. Rà soát, thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm**

Đề nghị các đơn vị tổ chức rà soát, thống kê chính xác, đầy đủ tổng số lượng đàn gia súc (trâu, bò, lợn, chó, mèo...) và gia cầm (gà, vịt, ...) hiện có trên địa bàn quản lý tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2025.

**II. Đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất**

Trên cơ sở kết quả thống kê tổng đàn, đề nghị các đơn vị đăng ký nhu cầu về chủng loại và số lượng vắc xin, hóa chất theo hai giai đoạn:

**1. Đăng ký nhu cầu vắc xin tiêm phòng 6 tháng cuối năm 2025 (đợt 2/2025):**

- Đăng ký các loại vắc xin bắt buộc để phục vụ công tác tiêm phòng, đặc biệt là các loại vắc xin được hỗ trợ từ ngân sách của tỉnh.
- Văn bản đăng ký gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y) trước ngày 29 tháng 8 năm 2025.

**2. Đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất để xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2026:**

**2.1. 1.1. Đối tượng, tỷ lệ tiêm phòng và thời gian thực hiện:**

| TT | Loại bệnh         | Đối tượng tiêm phòng                                                 | Tỷ lệ và địa bàn thực hiện                   | Thời gian thực hiện                                                                |
|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Bệnh LMLM gia súc | - Trâu, bò từ: 04 tuần tuổi trở lên hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất. | Tỷ lệ đạt trên 80% tổng đàn thuộc diện tiêm. | - Tiêm 02 đợt/năm<br>- Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi |

|   |                     |                                                         |                                              |                                                                                            |
|---|---------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                     | - Lợn nái, đực giống                                    |                                              |                                                                                            |
| 2 | Bệnh Cúm gia cầm    | Gia cầm từ 2 tuần tuổi trở lên.                         | Tỷ lệ đạt trên 80% diện tiêm.                | - Tiêm 02 đợt/năm<br>- Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi         |
| 3 | Bệnh Đại động vật   | Chó, mèo từ 2 tháng tuổi trở lên                        | Tỷ lệ đạt trên 70% diện tiêm.                | - Tiêm đại trà 1 đợt/năm<br>- Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi. |
| 4 | Bệnh VDNC trâu bò   | Trâu, bò, bê, nghé mọi lứa tuổi, kể cả con mẹ mang thai | Tỷ lệ đạt trên 80% diện tiêm.                | - Tiêm đại trà 1 đợt/năm<br>- Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi. |
| 5 | Bệnh DTLCP          | Theo hướng dẫn của nhà sản xuất                         | Tiêm đồng loạt cho lợn thuộc diện tiêm phòng | - Tiêm đúng đối tượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất                                      |
| 6 | Bệnh THT trâu bò    | Trâu, bò từ 6 tháng tuổi trở lên.                       | Tỷ lệ đạt trên 80% tổng đàn thuộc diện tiêm. | - Tiêm đại trà 1 đợt/năm<br>- Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi. |
| 7 | Bệnh DTL cổ điển    | Lợn từ 5 tuần tuổi trở lên                              | Tỷ lệ đạt trên 80% tổng đàn thuộc diện tiêm. | -Tiêm 02 đợt/năm<br>- Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.         |
| 8 | Bệnh tai xanh ở lợn | Lợn nái, đực giống                                      | Tỷ lệ đạt tối thiểu 80% diện tiêm.           | Khi có dịch xảy ra                                                                         |

## 2.2. Nhu cầu vắc xin, hóa chất cho cả năm 2026

- Đăng ký nhu cầu cho cả năm 2026, căn cứ vào tổng đàn gia súc, gia cầm hiện có, đặc biệt là tổng đàn trong diện phải tiêm phòng theo quy định.

- Văn bản đăng ký gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) trước ngày 15 tháng 9 năm 2025 để tổng hợp, trình Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

UBND các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm về số lượng vắc xin đã đăng ký và tiếp nhận sử dụng. Tránh trường hợp các xã, phường, đặc khu đăng ký nhu cầu, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phân bổ nhưng các xã, phường, đặc khu tiếp nhận sử dụng không hết buộc phải thu hồi và điều chỉnh.

*(Có phụ biểu đăng ký kèm theo).*

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu quan tâm, chỉ đạo thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở (A Trung);
- Chi cục CNTY;
- Lưu: VT(Thanh).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quang Trung**

**Phụ lục**

**Thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm và đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất phòng chống dịch bệnh động vật**  
(Kèm theo Công văn số:...../SNNMT-CNTY ngày ..../8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

**1. Thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm hiện có (Tính đến ngày ..... tháng ..... năm 2025**

| STT | Loại vật nuôi           | Tổng số hộ chăn nuôi | Tổng đàn (con) |                                |                                            | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------------------|----------------|--------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                         |                      | Tổng đàn       | Tổng số gia súc của người Kinh | Tổng số gia súc của người Đồng bào dân tộc |         |
| 1   | Trâu, bò                |                      |                |                                |                                            |         |
| 2   | Lợn                     |                      |                |                                |                                            |         |
| 2   | Chó, mèo                |                      |                |                                |                                            |         |
| 3   | Gia cầm                 |                      |                |                                |                                            |         |
| 4   | Các loại khác (ghi rõ): |                      |                |                                |                                            |         |

**2. Đăng ký nhu cầu 6 tháng cuối năm 2025 (Tiêm phòng đợt 2/2025)**

| T<br>T | Loại Vắc xin                         | Đối tượng tiêm phòng | Tổng đàn (con) | Tổng diện tiêm (con) | Nhu cầu đợt 2/2025 (liều) | Nguồn vắc xin   |                              |
|--------|--------------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|---------------------------|-----------------|------------------------------|
|        |                                      |                      |                |                      |                           | Tỉnh mua (liều) | Xã/phường/đặc khu mua (liều) |
| 1      | Vắc xin Lở mồm long móng             |                      |                |                      |                           |                 |                              |
| 2      | Vắc xin Tụ huyết trùng               |                      |                |                      |                           |                 |                              |
| 3      | Vắc xin Tam liên lợn                 |                      |                |                      |                           |                 |                              |
| 4      | Vắc xin Viêm da nổi cục              |                      |                |                      |                           |                 |                              |
| 5      | Vắc xin Dịch tả lợn Châu Phi         |                      |                |                      |                           |                 |                              |
| 6      | Vắc xin Cúm gia cầm (cho gà, vịt...) |                      |                |                      |                           |                 |                              |
| 7      | Vắc xin Đại (cho chó, mèo)           |                      |                |                      |                           |                 |                              |
| 8      | Các loại vắc xin khác (ghi rõ):      |                      |                |                      |                           |                 |                              |

### 3. Đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất để xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2026

#### 3.1. Nhu cầu vắc xin

| T<br>T | Loại Vắc xin                         | Đối tượng tiêm phòng | Tổng đàn (con) | Tổng diện tiêm (con) | Nhu cầu 1 đợt (liều) | Nhu cầu 1 năm (liều) | Nguồn vắc xin   |                                |
|--------|--------------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------|--------------------------------|
|        |                                      |                      |                |                      |                      |                      | Tỉnh mua (liều) | Xã/ phường/ đặc khu mua (liều) |
| 1      | Vắc xin Lở mồm long móng             |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |
| 2      | Vắc xin Tụ huyết trùng               |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |
| 3      | Tam liên lợn                         |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |
| 4      | Vắc xin Viêm da nổi cục              |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |
| 5      | Vắc xin Dịch tả lợn Châu Phi         |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |
| 6      | Vắc xin Cúm gia cầm (cho gà, vịt...) |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |
| 7      | Vắc xin Đại (cho chó, mèo)           |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |
| 8      | Các loại vắc xin khác (ghi rõ):      |                      |                |                      |                      |                      |                 |                                |

#### 3.2. Nhu cầu hóa chất

| T<br>T | Nhu cầu năm 2026 |                      |       | Trong đó       |                         |                      |
|--------|------------------|----------------------|-------|----------------|-------------------------|----------------------|
|        |                  |                      |       | Tỉnh mua       | Xã/ phường/ đặc khu mua |                      |
|        | Hóa chất (lít)   | Thuốc diệt côn trùng | ..... | Hóa chất (lít) | Hóa chất (lít)          | Thuốc diệt côn trùng |
| 1      |                  |                      |       |                |                         |                      |
| 2      |                  |                      |       |                |                         |                      |
| 3      |                  |                      |       |                |                         |                      |
| 4      |                  |                      |       |                |                         |                      |